

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Phạm Văn Tuyên.

*Thư ký phiên họp:* Bà Phạm Việt Hà - Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp:* Ông Nguyễn Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 203/2024/TLST-LĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 101/2024/QĐST-LĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Bùi Vĩnh T, sinh năm 1983. Thường trú: thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Địa chỉ liên hệ: số I, đường B, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Quốc V, sinh năm 1984. Thường trú: xóm Y, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH E (Việt Nam). Địa chỉ: Số G, Đại lộ T, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ: Đường T, khu trung tâm hành chính D, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Dương Văn T1 – chức vụ: Tổ trưởng Tổ quản lý khu, sổ thẻ bảo hiểm thành phố D, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ: số A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (Giấy uỷ quyền ngày 12/8/2024), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:**

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết, người yêu cầu giải quyết việc lao động ông Bùi Vĩnh T trình bày:

Từ khoảng tháng 6/2008 đến tháng 12/2019, ông T có làm việc tại Công ty Cổ phần C, địa chỉ: Số C, Đường số A, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương và có đóng bảo hiểm xã hội số: 7408150187. Nay, ông Bùi Vĩnh T tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của ông T bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm: Em họ của ông T – Trần Quốc V sử dụng thông tin của ông Bùi Vĩnh T giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH E khoảng từ tháng 6/2008 đến tháng 5/2009. Đồng thời gian đó, ông T giao kết hợp đồng lao động với tại Công ty Cổ phần C, địa chỉ: Số C, Đường số A, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương đến 2019 thì ông T nghỉ việc. Do đó, ông T bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng từ tháng 6/2008 đến tháng 5/2009 tương đương với thời gian ông V mượn hồ sơ lao động của ông T.

Ông T nhiều lần liên hệ Bảo hiểm xã hội thành phố D nhờ hướng dẫn thì cán bộ yêu cầu ông T đến Tòa án để tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng lao động giữa em họ của ông T là ông Trần Quốc V và Công ty TNHH E theo hướng dẫn tại Công văn 1767/LĐT BXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L. Vào thời điểm năm 2008, ông V không có đầy đủ hồ sơ nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động. Ông T và ông V là anh em họ với nhau nên mới hỗ trợ ông V mượn thông tin cá nhân làm hồ sơ lao động. Vì ông T và ông V không hiểu biết về pháp luật nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay.

Do đó, nay ông Bùi Vĩnh T kính đơn này đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giải quyết như sau: Tuyên Hợp đồng lao động (từ tháng 6/2008 đến tháng 5/2009) giữa ông Bùi Vĩnh T và Công ty TNHH E vô hiệu.

- Ông Dương Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của Công ty TNHH E cho người lao động thì Công ty TNHH E có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Bùi Vĩnh T sinh năm 1983, số chứng minh nhân dân 183377803; căn cước công dân số 042083014987, với mã số bảo hiểm xã hội 7408151586 tại Công ty TNHH E từ tháng 6/2008 đến tháng 5/2009 chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội.

Ngoài ra ông Bùi Vĩnh T còn có mã số 7408150187 từ tháng 6/2008 đến tháng 12/2019 tại Công ty cổ phần C.

Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của ông Bùi Vĩnh T, Bảo hiểm xã hội không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của ông Bùi Vĩnh T, Bảo hiểm xã hội không có ý kiến.

- Ông Trần Quốc V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Trần Quốc V là em họ của ông Bùi Vĩnh T, ông V có sử dụng thông tin của ông Bùi Vĩnh T để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH E khoảng từ tháng 6/2008 đến tháng 5/2009. Đồng thời gian đó, ông T giao kết hợp đồng lao động với tại Công ty Cổ phần C, địa chỉ: Số C, đường số A, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương đến tháng 12/2019 thì ông T nghỉ việc.

Do đó, ông T bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 6/2008 đến tháng 5/2009 tương đương với thời gian ông V mượn hồ sơ lao động của ông T.

Vào thời điểm năm 2009, ông V không đủ hồ sơ nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động. Ông V và ông Bùi Vĩnh T là anh em họ với nhau nên ông T mới cho ông V mượn thông tin cá nhân làm hồ sơ lao động. Vì không hiểu biết về pháp luật, nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay.

Do đó, ông V đề nghị Tòa án: Tuyên Hợp đồng lao động (từ tháng 6/2008 đến tháng 5/2009) giữa ông Bùi Vĩnh T và Công ty TNHH E vô hiệu.

*- Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH E (Việt Nam) nhưng Công ty TNHH E (Việt Nam) vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của ông Bùi Vĩnh T:*

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp:*

Về tố tụng: Việc lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và còn trong thời hạn giải quyết. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ đã được làm rõ tại phiên họp đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Vĩnh T về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Bùi Vĩnh T với Công ty TNHH E (Việt Nam) thời gian làm việc từ tháng 6/2008 đến tháng 5/2009 bị vô hiệu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Bùi Vĩnh T, ông Trần Quốc V, người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Công ty TNHH E (Việt Nam) vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: Ông Bùi Vĩnh T và ông Trần Quốc V thừa nhận người ký hợp đồng lao động và thực tế làm việc tại Công ty TNHH E (Việt Nam) trong khoảng thời gian từ tháng 6/2008 đến tháng

5/2009 là ông V chứ không phải ông T. Do khi đó ông V không đủ điều kiện ứng tuyển lao động, ông T cho ông V mượn thông tin và giấy tờ tùy thân của ông T để tham gia lao động và ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH E (Việt Nam). Trình bày của ông T và ông V phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội, cụ thể trong thời gian từ tháng 6/2008 đến tháng 12/2019 ông T có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty Cổ phần C.

[2.2] Xét thấy, việc ông Trần Quốc V sử dụng chứng minh nhân dân của ông Bùi Vĩnh T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH E (Việt Nam) là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[2.3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của ông Bùi Vĩnh T có bị trùng từ tháng 6/2008 đến tháng 5/2009. Do đó, ông T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Bùi Vĩnh T với Công ty TNHH E (Việt Nam) thời gian làm việc từ tháng 6/2008 đến tháng 5/2009 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận

[6] Về lệ phí: Ông Bùi Vĩnh T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Bùi Vĩnh T.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Bùi Vĩnh T với Công ty TNHH E (Việt Nam), thời gian làm việc từ tháng 6/2008 đến tháng 5/2009 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện

các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Ông Bùi Vĩnh T phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001423 ngày 07/8/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc lao động, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết hợp lệ. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- Các đương sự (03);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ (02).

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Phạm Văn Tuyên**